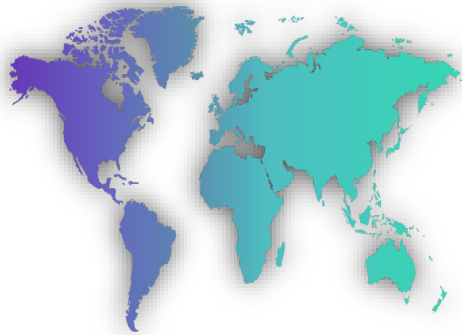




Thị trường thế giới



- ✓ Giá đường thế giới tiếp tục xu hướng tăng trong tháng 9 do lo ngại về nguồn cung toàn cầu giảm.
- ✓ Nhu cầu yếu, trong khi sản lượng giảm do mất mùa tại Ấn Độ (mưa lớn) và Kenya (hạn hán), khủng hoảng kinh tế tại Srilanka đang đẩy giá chè thế giới tăng.
- ✓ Giá cà phê giảm do tồn kho cà phê trong tháng 8/2022 của Hiệp hội cà phê Bắc Mỹ tăng so với cùng kỳ năm 2021.

TÌNH HÌNH CHUNG

Thị trường trong nước



- Giá đường nội địa tiếp tục tăng trong tháng 9/2022 kể từ sau quyết định thuế của Bộ Công thương về việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu.
- Nguồn cung thấp đang hỗ trợ giá tôm nguyên liệu tại ĐBSCL khiến giá tôm tăng.
- Giá gà công nghiệp miền Trung và miền Nam giảm do nhu cầu tiêu dùng mặt hàng này tại các bếp ăn tập thể, trường học... vẫn còn khá yếu.





Thị trường thế giới

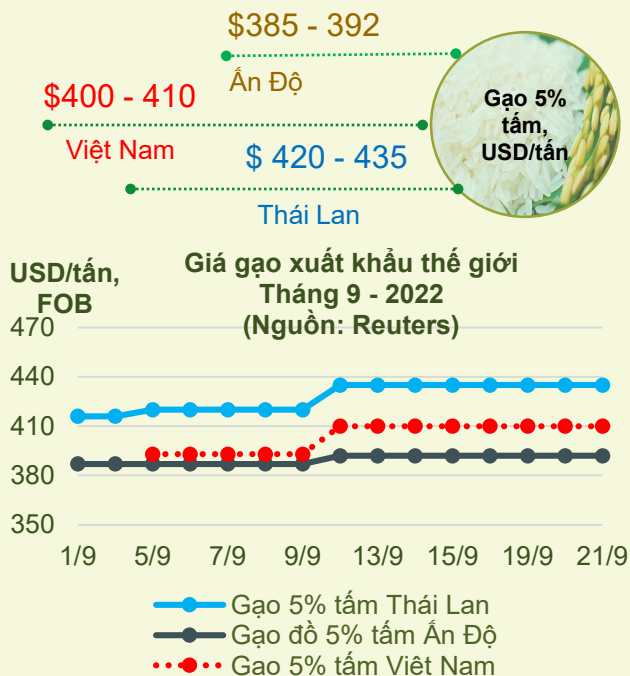
Trên thị trường thế giới, chính phủ Ấn Độ đã ban bố lệnh cấm xuất khẩu gạo tám và áp đặt mức thuế 20% đối với xuất khẩu các loại gạo khác khi nước này cố gắng tăng nguồn cung và hạ nhiệt giá trên thị trường nội địa sau khi vụ mùa bị ảnh hưởng bởi ít mưa.

Trong tháng 9, giá gạo xuất khẩu diễn biến tăng tại các đầu mối xuất khẩu của châu Á. Gạo đỏ 5% tám của Ấn Độ chạm mức cao nhất trong 1,5 năm, ở mức 385 – 392 USD/tấn, tăng 20 USD/tấn so với tháng 8.

Hiện việc vận chuyển gạo đã dừng lại tại các cảng của Ấn Độ, với các lô hàng gần 1 triệu tấn gạo do người mua từ chối trả mức thuế xuất khẩu mới 20% so với giá hợp đồng đã thỏa thuận. Trong bối cảnh này, xuất khẩu gạo Ấn Độ được dự báo có thể giảm 1/4 trong năm nay khi người mua chuyển sang các lựa chọn rẻ hơn.

Tại Thái Lan, gạo tiêu chuẩn 5% tám hiện ở mức 420 – 435 USD/tấn, tăng 12 USD/tấn so với tháng trước. Giá gạo giảm do đồng baht suy yếu. Nguồn cung gạo ra thị trường bị chậm lại do lũ lụt, mưa lớn và một số vấn đề về giao thông.

Tại Việt Nam, gạo 5% tám ở mức 400 – 410 USD/tấn, tăng 15 USD/tấn so với tháng trước. Động thái mới của Ấn Độ đã làm tăng giá cước của Việt Nam, các nhà xuất khẩu không vội ký hợp đồng mới với dự đoán sẽ được giá hơn trong những tuần tới, nhờ đó giá gạo trong nước đã tăng lên.





Giá lúa tại các tỉnh ĐBSCL biến động tăng, giảm trái chiều trong tháng qua. Thị trường lúa Thu Đông ổn định, giao dịch sôi động, các kho chủ yếu mua gạo OM 18 và OM 5451.

Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 ở mức 5.400 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg so với thời điểm cuối tháng 8; lúa chất lượng cao OM 5451 ổn định ở mức 5.500 đồng/kg. Tại Kiên Giang, giá lúa bình ổn trong suốt tháng 9, với lúa IR50404 ở mức 6.200 – 6.400 đồng/kg, OM 5451 ở mức 6.600 – 6.700 đồng/kg, Đài thơm 8 ở mức 6.800 – 6.900 đồng/kg. Tại Bạc Liêu, lúa tươi giống ST24, ST25 giảm 500 đồng/kg so với tháng trước, xuống còn 6.500 đồng/kg; lúa Đài Thơm 8 giảm 400 đồng/kg xuống 5.400 đồng/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 tiếp tục duy trì mức 5.800 đồng/kg.

Giá lúa có xu thế giảm trong quý 3 năm nay. Trong đó, lúa thường IR50404 tươi giảm 100 - 200 đồng/kg; lúa khô cũng giảm khoảng 200 đồng/kg. Lúa chất lượng cao OM 5451 giảm nhiều hơn, 400 – 500 đồng/kg trong 3 tháng 7, 8 và 9.

Thị trường gạo các tỉnh miền Nam bình ổn trong tháng 9. Gạo thường IR50404 tại Vĩnh Long và An Giang giữ giá 11.000 đồng/kg và 11.500 đồng/kg; gạo jasmine ở các mức 15.000 đồng/kg và 14.000 đồng/kg. Gạo thơm chợ Đào và thơm Thái Lan tại Tp Hồ Chí Minh cùng giữ mức 22.000 đồng/kg; gạo tẻ thường 14.000 đồng/kg; gạo Tài nguyên 20.000 đồng/kg.

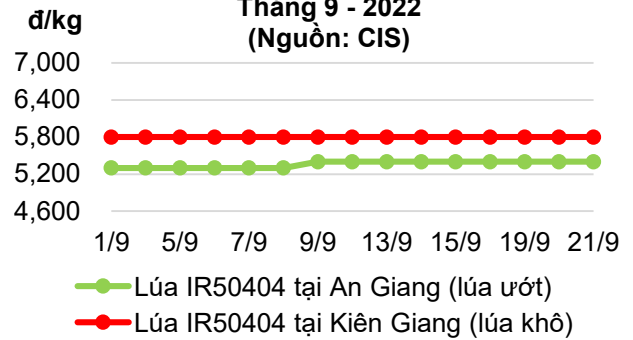
Tại thị trường miền Bắc, giá bán buôn lúa Khang Dân tại Hà Nội ở mức 7.500 đồng/kg; gạo Khang Dân tại

Hà Nội và Hưng Yên ổn định ở các mức 14.000 đồng/kg và 10.000 đồng/kg. Tại Nam Định, thóc tạp giao có giá 7.600 đồng/kg, gạo tạp giao 11.500 đồng/kg; gạo Bắc thơm giảm 500 đồng/kg xuống 15.500 đồng/kg.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, khối lượng gạo xuất khẩu tháng 9/2022 ước đạt 650 nghìn tấn với giá trị đạt 308 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo 9 tháng đầu năm 2022 đạt lần lượt 5,44 triệu tấn và 2,64 tỷ USD, tăng 19,3% về khối lượng và tăng 9,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá gạo xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 485 USD/tấn, giảm 8,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 8 tháng đầu năm 2022, Philippin là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 45,6% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này đạt 2,29 triệu tấn và 1,06 tỷ USD, tăng 49,1% về khối lượng và tăng 33,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh nhất là Hoa Kỳ (+70,9%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất là Gana (-35,8%).

Giá lúa, gạo trong nước
Tháng 9 - 2022
(Nguồn: CIS)

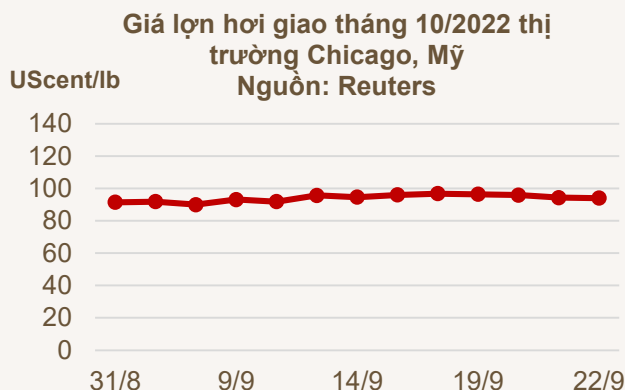




Thị trường thế giới

Giá lợn nạc giao tháng 10/2022 ở Chicago, Mỹ biến động tăng trong tháng qua với mức tăng 2,6 UScent/lb lên mức 94,125 UScent/lb. Giá thịt lợn tăng do sức mua khởi sắc.

Ngày 23/9/2022, Trung Quốc đưa ra thị trường 14.400 tấn thịt lợn đông lạnh từ kho dự trữ để duy trì nguồn cung và ổn định giá. Ủy ban Phát triển và Cải cách quốc gia Trung Quốc (NDRC) cho biết Trung Quốc có đủ dự trữ thịt lợn để đáp ứng nhu cầu trên thị trường và sẽ xả kho dự trữ từng đợt cũng như sẽ tăng số lượng xả kho nếu cần thiết. Thịt lợn là một mặt hàng chủ lực ở Trung Quốc và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong số các loại thực phẩm được sử dụng để đánh giá chỉ số giá tiêu dùng của nước này. Giá thịt lợn tại Trung Quốc trong tháng 8/2022 đã tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2021, sau khi tăng 20,2% trong tháng 7/2022. Theo trang theo dõi giá thịt lợn của Trung Quốc www.zhuwang.cc, giá



Lợn nạc giao tháng 10/2022 thị trường Chicago

94,125 UScent/lb ↑ + 2,6

thịt lợn trên toàn quốc đã tăng 53% từ mức của tháng 5/2022, lên 23,34 NDT/kg (tương đương 3,4 USD/kg) hôm 9/9/2022.

Thị trường trong nước

Trong tháng 9/2022, giá lợn hơi biến động giảm tại tất cả các khu vực trên cả nước. Tại khu vực miền Bắc, giá lợn hơi điều chỉnh giảm 6.000 – 8.000 đồng/kg, dao động trong khoảng 59.000 - 62.000 đồng/kg. Thái Nguyên hiện thu mua với giá 59.000 đồng/kg. Yên Bái, Lào Cai, Hưng Yên, Nam Định, Phú Thọ, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình và Tuyên Quang giảm xuống còn 60.000 - 63.000 đồng/kg. Vĩnh Phúc và Bắc Giang lần lượt giao dịch lợn hơi với giá 61.000 đồng/kg và 62.000 đồng/kg.

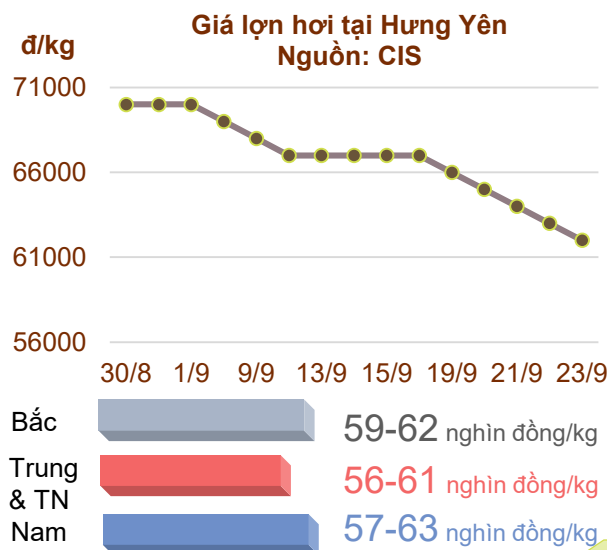
Thị trường lợn hơi khu vực miền Trung, Tây Nguyên giảm 4.000 – 6.000 đồng/kg, dao động trong khoảng 56.000 - 61.000 đồng/kg. Theo đó, Lâm Đồng, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Khánh Hòa cùng giảm xuống còn 58.000 - 61.000 đồng/kg. Tỉnh Bình Định hiện đang giao dịch với giá 60.000 đồng/kg. Đắk Lắk và Bình Thuận giá lợn hơi ở mức 56.000 đồng/kg.

Thị trường lợn hơi miền Nam ghi nhận giá thu mua biến động giảm 3.000 – 7.000 đồng/kg tại nhiều tỉnh thành, dao động trong khoảng 57.000 - 63.000 đồng/kg. Cụ thể, mức giá 57.000 đồng/kg được ghi nhận tại Vũng Tàu. Các tỉnh Đồng Tháp, Bình Dương, Bình Phước cùng đưa giá thu mua xuống chung mức 58.000 đồng/kg. Tỉnh Long An hiện đang neo tại ngưỡng cao nhất khu vực với giá 63.000 đồng/kg.

Giá thu mua gà tại trại biến động trái chiều tại các vùng miền trong tháng qua. Giá gà thịt lông màu ngắn ngày miền Bắc, miền Trung và miền Nam tăng 2.000 đồng/kg lên mức 36.000 – 37.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Bắc tăng 2.000 đồng/kg lên 35.000 đồng/kg. Giá gà công nghiệp miền Trung

và miền Nam giảm 5.000 đồng/kg xuống mức 28.000 - 29.000 đồng/kg do nhu cầu tiêu dùng mặt hàng này tại các bếp ăn tập thể, trường học... vẫn còn khá yếu. Giá trứng gà miền Bắc, miền Trung giảm 200 đồng/quả xuống mức 2.300 – 2.600 đồng/quả. Giá trứng gà miền Nam giữ mức 2.400 – 2.700 đồng/quả.

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 9 năm 2022 ước đạt 26,5 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 265,5 triệu USD, giảm 18,4% so với cùng kỳ năm 2021. Ước giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi tháng 9 năm 2022 đạt 277,8 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi 9 tháng đầu năm 2022 đạt 2,46 tỷ USD, giảm 6,8% so với cùng kỳ năm 2021.





Thị trường thế giới

Theo số liệu của Cơ quan Khí quyển và Đại dương Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA), nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 7/2022 giảm 12% so với tháng 6 xuống 67.782 tấn. Con số này cũng thấp hơn 11,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hàng tồn kho đã đạt mức tối đa bởi những tháng đầu năm nhiều công ty tăng cường nhập hàng sau hai năm chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch COVID-19 và cước tàu tăng cao. Hiện, tình hình bán hàng chậm lại do đó các nhà nhập khẩu cũng chưa thực hiện nhiều các đơn hàng mới. Một số nhà bán lẻ tiếp tục mua hàng để chuẩn bị cho các dịp lễ sắp tới nhưng không nhiều bởi hàng tồn kho của họ cũng đang rất lớn.

Thị trường bắt đầu chững lại từ tháng 5 sau giai đoạn NK tăng mạnh trong 4 tháng trước đó. Kim ngạch NK tôm trong tháng 7 cũng giảm 13% so với tháng 6 xuống 621,5 triệu USD.

Điều các doanh nghiệp đang phải đối mặt là giá tôm đang giảm dần. Ngoài ra, vấn đề nghiêm trọng khác là các kho lạnh đang quá tải.

Lượng hàng nhập khẩu từ các nguồn cung lớn cũng giảm so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó Ấn Độ (-21%), Indonesia (-13%), Việt Nam (-20%) và Thái Lan (-19%). Chỉ có 9 trong tổng số 20 quốc gia xuất khẩu tôm sang Mỹ ghi nhận khối lượng hàng bán tại thị trường này trong tháng 7 tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Lạm phát cùng với yếu tố thời vụ (cuối mùa hè) khiến lượng tiêu thụ giảm mạnh.

Ecuador là nước duy nhất trong top 5 quốc gia xuất khẩu tôm lớn nhất cho Mỹ ghi tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, lượng tôm Ecuador xuất khẩu sang Mỹ trong tháng 7 đạt 19.832 tấn trong tháng 7, trị giá 147 triệu USD, tăng 12% về lượng và tăng 6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thị trường trong nước

Giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh ĐBSCL sau khi tăng mạnh vào tháng 8 và đầu tháng 9 lên mức 31.000 - 31.500 đồng/kg cá size 800g-1kg đã quay đầu giảm 500 – 1.000 đồng/kg từ giữa tháng 9. Nhu cầu bắt nguyên liệu ngoài của các công ty cũng đang chậm lại, các giao dịch mới nhìn chung không nhiều. Giá cá tra giống cỡ 28-35 con/kg tăng 3.000 – 4.000 đồng/kg so với tháng trước lên mức 36.000 – 38.000 đồng/kg do nguồn cung thấp bởi đang trong mùa nghịch, tỷ lệ hao hụt do bệnh ở mức cao.

Nguồn cung thấp đang hỗ trợ giá tôm nguyên liệu tại ĐBSCL khiến giá tôm tăng trong tháng 9/2022 mặc dù xuất khẩu thu hẹp. Tại Bạc Liêu, giá trung bình tôm sú ướp đá cỡ lớn 20 con/kg hiện ở mức 290.000 đồng/kg, cỡ 30 con/kg 260.000 đồng/kg, cỡ 40 con/kg 180.000 đồng/kg, tăng 10.000 – 30.000 đồng/kg so với thời điểm cuối tháng trước. Giá tôm thẻ chân trắng ướp đá cỡ 40 con/kg ở mức 125.000 đồng/kg, cỡ 60 con/kg ở mức 105.000 đồng/kg, cỡ 100 con/kg 90.000 đồng/kg, tăng 5.000 đồng/kg so với tháng trước.

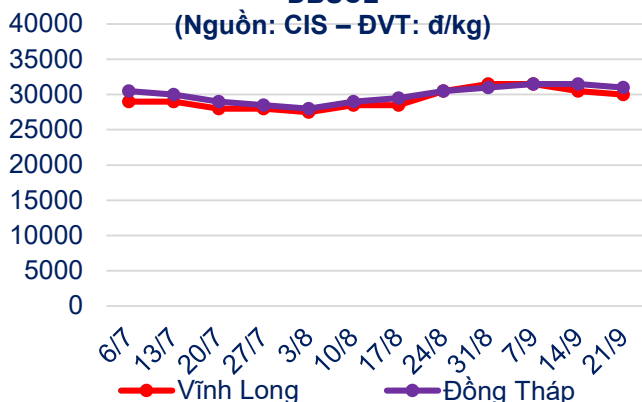
Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 9 năm 2022 ước đạt 900 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2022 đạt 8,53 tỷ USD, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2021. Hoa Kỳ, Nhật Bản, và Trung Quốc là 3 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2022, chiếm 50,1% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 8 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản tăng tại hầu hết cả các thị trường, ngoại trừ thị trường Nga (-12%). Thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh nhất là Trung Quốc (+82,8%).

Xuất khẩu cá tra trong tháng 9/2022 ước đạt 168 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm lên 1.895 triệu USD, tăng 83,3% so với cùng kỳ năm 2021.

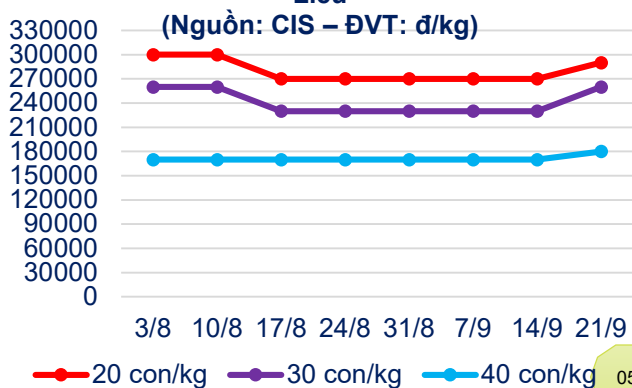
Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu trong tháng 9/2022 ước đạt 405 triệu USD. Lũy kế 9 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu tôm ước đạt 3.451 triệu USD, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm ngoái.



Giá cá tra thịt trắng nguyên liệu tại ĐBSCL (Nguồn: CIS – ĐVT: đ/kg)



Tôm sú ướp đá nguyên liệu tại Bạc Liêu (Nguồn: CIS – ĐVT: đ/kg)



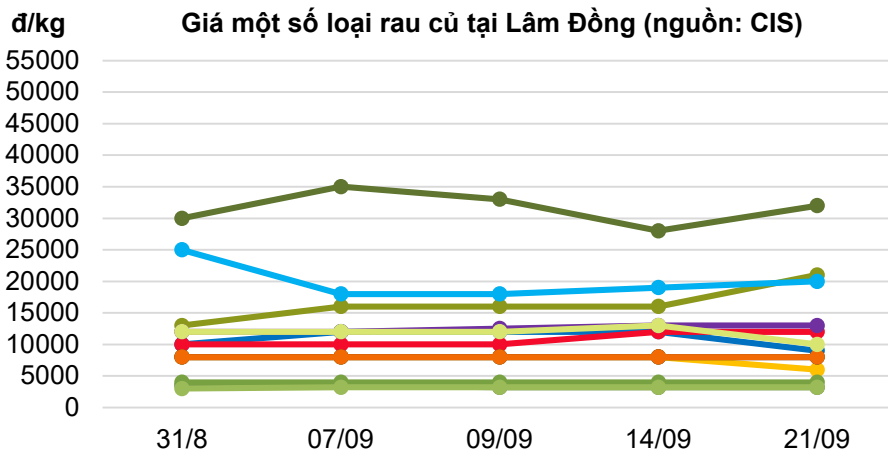


Thị trường trong nước

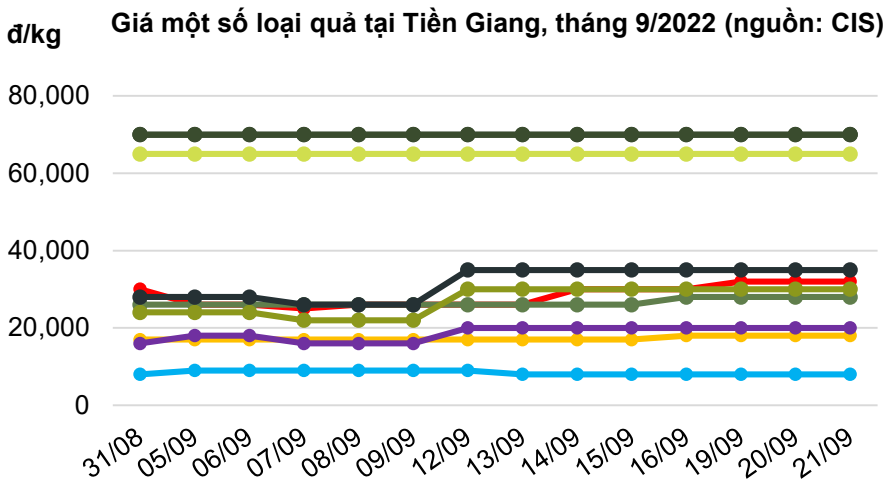
Diễn biến thị trường nhiều loại quả tăng giá so với tháng trước do một số quả vào thời điểm cuối vụ như chôm chôm, thanh long. Cụ thể, tại tỉnh Tiền Giang, thanh long đỏ 28.000 đồng/kg và thanh long trắng là 18.000 đồng/kg (tăng 2.000 đ/kg so với tháng trước đó); chôm chôm nhãn 30.000 đ/kg; chôm chôm Rong Riêng 35.000 đ/kg (tăng 8.000 đ/kg so với tháng trước). Tuy nhiên giá sầu riêng vẫn ổn định so với tháng trước: sầu riêng Monthong 70.000 đồng/kg; sầu riêng Ri6 70.000 đồng/kg.

Trong tháng qua, lô sầu riêng đầu tiên của Việt Nam được xuất khẩu sang Trung Quốc với sự tham gia của 5 doanh nghiệp, tổng cộng 6 container với trọng lượng hơn 100 tấn.

Đối với mặt hàng rau củ, tại Lâm Đồng thị trường diễn biến tương đối ổn định so với tháng trước. Cụ thể, giá các loại củ quả như su su 3.500 đồng/kg; cải thảo 4.000 đồng/kg; bắp cải 3.200 đồng/kg; ớt sừng 18.000 đồng/kg; ớt chuông và củ dền duy trì ở các mức giá lần lượt là 35.000 đồng/kg và 12.000 đồng/kg



- Xà lách lolo xanh
- Xà lách cuộn
- Xà lách Coron
- Su su
- Cải thảo
- Bắp cải trắng loại 1
- Cà chua (giống Rita)
- Su hào củ loại 1
- Hành hoa
- Củ dền loại 1
- Ớt sừng
- Ớt chuông Đà Lạt
- Đậu cô ve



- Xoài cát Hòa Lộc
- Xoài Cát Chu
- Dưa hấu
- Thanh long ruột đỏ
- Thanh long ruột trắng
- Chôm chôm Java
- Chôm chôm nhãn
- Chôm chôm Rong-Riêng
- Sầu riêng monthong
- Sầu riêng Ri6

Tình hình xuất nhập khẩu

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 9/2022 ước đạt 250 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 9 tháng đầu năm 2022 đạt 2,45 tỷ USD, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong 8 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam với 44,1% thị phần, giá trị xuất khẩu đạt 967,5 triệu USD, giảm 32,4% so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh nhất là Lào (gấp 2,61 lần), trong khi đó thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả giảm mạnh nhất là Trung Quốc (-32,4%).

Giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 9/2022 ước đạt 230 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2022 đạt 1,49 tỷ USD, tăng 39% so với cùng kỳ năm 2021. Trung Quốc (chiếm tỷ trọng 37,6%), Hoa Kỳ (17%) và Ôxtrâyliya (8,3%) là 3 thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2022. So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả 8 tháng đầu năm 2022 từ Trung Quốc tăng 74,1%, Hoa Kỳ tăng 5,8%, và từ Ôxtrâyliya tăng 18,1%.



Thị trường thế giới

Giá đường thế giới tiếp tục xu hướng tăng trong nửa đầu tháng 9 do lo ngại về nguồn cung toàn cầu giảm sau khi Unica báo cáo rằng tính đến hết tháng 8/2022, sản lượng đường khu vực Trung Nam của Braxin trong niên vụ 2022/23 giảm 10,5% so với cùng kỳ xuống còn 21,77 triệu tấn.

Thời tiết khô nóng vào mùa hè năm nay ở châu Âu, nhà sản xuất đường lớn thứ ba thế giới, khiến sản lượng củ cải đường nhỏ hơn và sản lượng đường thấp hơn, điều này khiến giá đường tăng. Tập đoàn Czarnikow dự đoán sản lượng đường của Liên minh châu Âu (EU) và Anh sẽ đạt tổng cộng 16,4 triệu tấn trong năm nay, thấp hơn khoảng 1 triệu tấn so với năm ngoái, có nghĩa là EU có thể phải nhập khẩu nhiều đường hơn bình thường.

Một yếu tố hỗ trợ khác đối với đường là hành động của Conab vào ngày 19 tháng 8 để cắt giảm ước tính cho vụ đường Braxin 2022/23 xuống còn 33,9 MMT từ mức dự báo tháng 4 là 40,3 MMT, với lý do trồng trọt thấp hơn và sản lượng mía giảm.

Một yếu tố giảm giá đối với đường trong nửa sau của tháng là dự báo hôm 19/9 từ StoneX cho sản lượng đường Braxin Centre-South 2023/24 tăng 5,7% so với cùng kỳ lên 35,2 triệu tấn. StoneX cũng dự đoán rằng sản lượng đường 2023/24 toàn cầu sẽ tăng + 3% so với cùng kỳ năm trước lên 194,4 triệu tấn do nguồn cung tăng từ Braxin, Ấn Độ và Thái Lan. StoneX dự đoán thặng dư đường toàn cầu năm 2022/23 là 3,9 triệu tấn.

Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2022

Nguồn: Reuters



Tính trung bình trong tháng, giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2022 trên sàn London tăng 3,3% so với tháng trước, đạt 534,96 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2022 tại sàn New York giảm 0,3% so với tháng trước, đạt 18,13 UScent/lb.



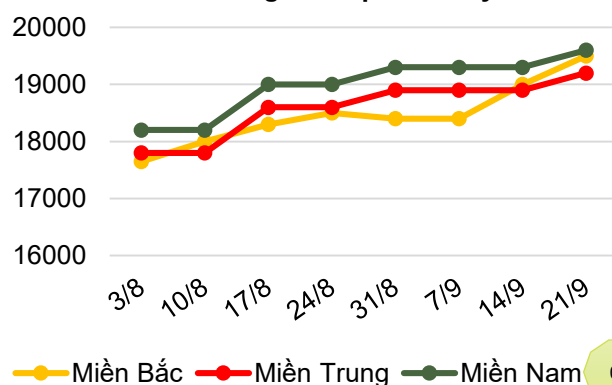
Thị trường trong nước

Giá đường nội địa tiếp tục tăng trong tháng 9/2022 kể từ sau quyết định thuế của Bộ Công thương hôm 1/8/2022 về việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar. Tuy nhiên, lượng bán ra chưa nhiều, giao dịch còn chậm. Cụ thể, tại miền Bắc, giá đường RS Sơn La chào bán trung bình ở mức 18.960 đồng/kg, tăng 800 đồng/kg so với tháng trước; tại miền Trung, giá đường RS An Khê chào bán trung bình ở mức 19.000 đồng/kg, tăng 700 đồng/kg. Tại miền Nam, giá đường RS An Khê ở mức 19.400 đồng/kg, tăng 700 đồng/kg.

Lượng đường nhập khẩu chính ngạch đã giảm bớt kể từ đầu tháng 8 sau khi Bộ Công Thương ban hành Quyết định 1514/QĐ-BCT áp dụng mức thuế chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) là 47,64% đối với đường nhập khẩu từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar có nguồn gốc nguyên liệu của Thái Lan. Sự giảm bớt nguồn cung từ các loại đường có nguồn gốc nhập khẩu đã tạo điều kiện cho đường sản xuất từ mía có thể tiêu thụ được và cũng cải thiện được giá bán.

Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), đến ngày 30/8 ngành đường Việt Nam đã hoàn thành vụ mía 2021-2022. Lũy kế đến kết thúc vụ toàn ngành đã ép được 7,5 triệu tấn mía sản xuất được 746.899 tấn đường, so với cùng kỳ vụ 2020-2021 sản lượng mía ép tăng 11,8% và sản lượng đường tăng 8,3%. Tuy nhiên, giá đường tại thị trường Việt Nam dù có tăng vẫn sẽ tiếp tục ở mức thấp hơn so với giá đường của các quốc gia trồng mía lân cận (Trung quốc, Indonesia, Philippin).

Giá đường kính tại nhà máy





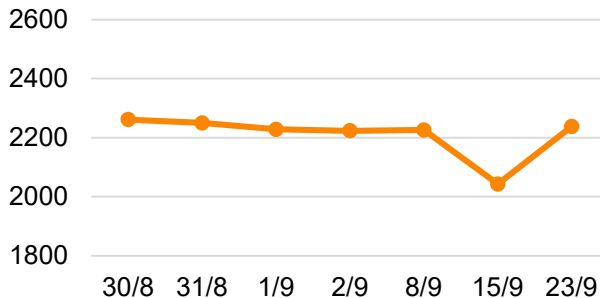
Thị trường thế giới

Trong tháng 9/2022, giá cà phê thế giới biến động giảm. Cụ thể, giá cà phê Robusta giao tháng 11/2022 tại thị trường London giảm 12 USD/tấn xuống mức 2.238 USD/tấn. Giá cà phê giảm do tồn kho cà phê trong tháng 8/2022 của Hiệp hội cà phê Bắc Mỹ tăng so với cùng kỳ năm 2021.

Braxin là nước sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới. Hiện nay, tại vùng trồng cà phê trọng điểm Braxin đã nhận được lượng mưa khoảng 15,4 mm khiến các nhà kinh doanh giảm bớt nỗi lo khô hạn trong vụ cà phê sắp tới.

Theo Ngân hàng Rabobank, lượng mưa tại Braxin - nhà sản xuất cà phê hàng đầu thế giới dự kiến sẽ ở mức tốt trong hai tuần tới. Mùa mưa năm nay ở Braxin được kỳ vọng sẽ trở lại bình thường để hỗ trợ sự ra hoa của cây cà phê trong vụ mùa 2023/24. Xuất khẩu cà phê của Uganda vào tháng 8/2022 giảm mạnh 28,5% so với cùng kỳ năm ngoái, bị ảnh hưởng bởi hạn hán khiến cây trồng ở nhiều khu vực bị lụi tàn và giảm năng suất.

Giá Robusta kỳ hạn giao tháng 11/2022 thị trường London Nguồn: Reuters



Cà phê Robusta giao tháng 11/2022 tại thị trường London

2.238 USD/tấn ↓ - 28



Thị trường trong nước

Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng xu hướng thị trường cà phê thế giới. Giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên hiện ở mức 47.400 – 48.000 đồng/kg, giảm 300 đồng/kg so với tháng trước.

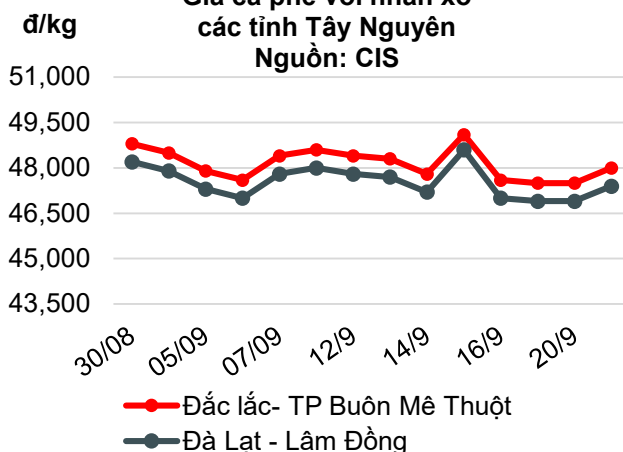
Hiện, giao dịch cà phê ở Việt Nam chững lại do thiếu hạt cà phê, các thương nhân đang chờ vụ mùa mới bắt đầu vào tháng sau, trong khi nguồn cung bắt đầu giảm ở Indonesia vào cuối vụ thu hoạch. Sản lượng cà phê của Việt Nam được dự kiến sẽ giảm 6% xuống còn 1,72 triệu tấn trong giai đoạn 2022/23.

Theo ngân hàng Rabobank, năm 2022 là năm thứ hai liên tiếp nhu cầu cà phê sẽ vượt cung trên thị trường toàn cầu. Một số thương hiệu cà phê lớn như Starbucks và Jacobs đã lên kế hoạch tăng giá sản phẩm để đối phó với tình trạng lợi nhuận sụt giảm.

Việt Nam tiếp tục là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ hai trên thế giới với thị phần 14,2%. Hiện nay, Việt Nam có 97 nhà máy chế biến cà phê nhân với năng suất 1,5 triệu tấn/năm, 160 cơ sở rang xay, 8 cơ sở cà phê hòa tan và 11 cơ sở pha chế cà phê.

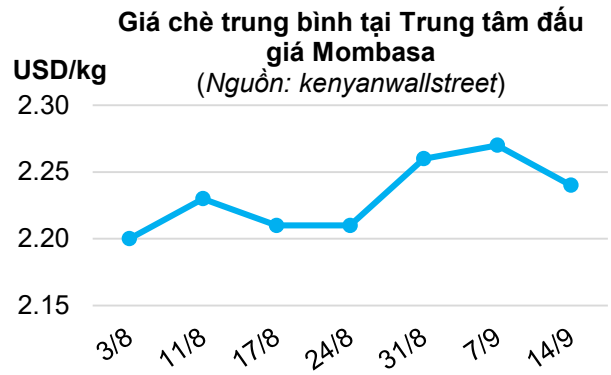
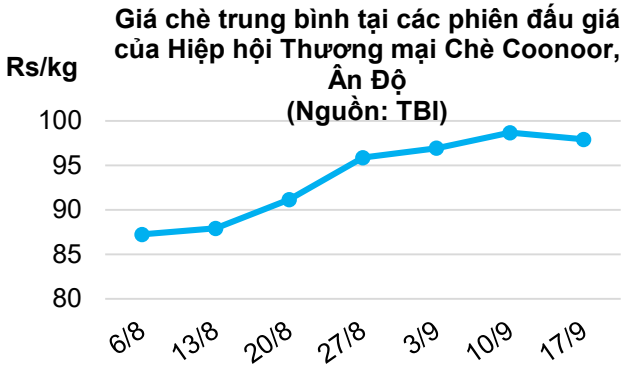
Theo số liệu thống kê, xuất khẩu cà phê tháng 9 năm 2022 ước đạt 100 nghìn tấn với giá trị đạt 240 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 9 tháng đầu năm 2022 đạt 1,35 triệu tấn và 3,08 tỷ USD, tăng 13,7% về khối lượng và tăng 37,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá cà phê xuất

Giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên Nguồn: CIS



khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 2.280 USD/tấn, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2021. Trong 8 tháng đầu năm 2022, Đức, Bỉ, và Italia 3 thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 12%, 7,5% và 7,4%. Thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh nhất là Hà Lan (gấp 3,2 lần), Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh nhất là thị trường Malaysia (-13,6%).

Thị trường thế giới



Nhu cầu yếu, trong khi sản lượng giảm do mất mùa tại Ấn Độ (mưa lớn) và Kenya (hạn hán), khủng hoảng kinh tế tại Sri Lanka đang đẩy giá chè tăng. Giá chè trung bình tại phiên đấu giá của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor (CTTA) tháng 9 ở mức 97,86 Rs/kg, tăng 8% so với tháng 8.

Xuất khẩu chè của Ấn Độ sang các thị trường truyền thống là Châu Âu và Nhật Bản đã giảm do giá chè tăng và đồng nội tệ Ấn Độ tăng giá. Nỗi lo suy thoái sắp xảy ra trong bối cảnh áp lực lạm phát gia tăng cũng đang khiến người mua ở châu Âu thận trọng về việc mua chè với giá cao hơn.

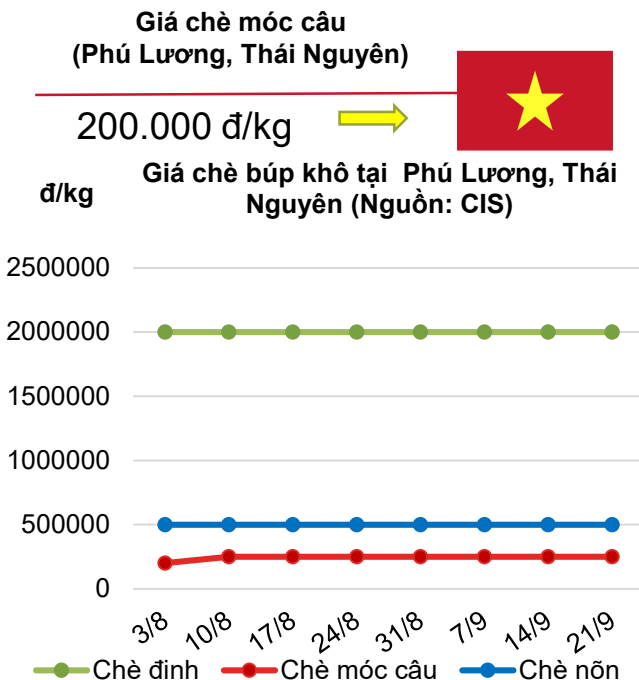
Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Sri Lanka đã khiến sản xuất chè đen truyền thống orthodox của nước này sụt giảm. Đến tháng 7 năm 2022, sản lượng chè chính thống ở Sri Lanka đã giảm khoảng 19% so với giai đoạn tương ứng năm 2021. Với việc Sri

Lanka đang bối rối chứng kiến sản lượng chè sụt giảm, Ấn Độ có khả năng sẽ lấp đầy khoảng trống do đảo quốc này tạo ra. Ấn Độ sản xuất khoảng 110-120 triệu kg chè chính thống hàng năm, so với sản lượng thông thường của Sri Lanka là 300 triệu kg. Hiệp hội chè Ấn Độ, nếu xu hướng hiện tại tiếp tục, Sri Lanka có thể kết thúc với việc giảm sản lượng khoảng 100 triệu kg chè orthodox và kết quả là các nhà sản xuất Ấn Độ có thể gặp phải tình trạng khan hàng. Các nhà xuất khẩu Ấn Độ cũng đã có thể khai thác các thị trường ở UAE và Iran, những nước tiêu thụ chè orthodox.

Trong khi đó, tại phiên đấu giá trà Mombasa khu vực Đông Phi ghi nhận giá trung bình trong tháng là 2,25 USD/kg, tăng nhẹ so với 2,22 USD/kg tháng trước. Điều này xảy ra khi đồng đô la mạnh lên hơn nữa so với đồng shilling của Kenya.

Thị trường trong nước

Trong nước, giá chè nhìn chung không ổn định. Nhu cầu và lượng tiêu thụ giảm trong giai đoạn



mùa hè. Tại vùng chè Phú Lương, Thái Nguyên, giá trung bình trong tháng đối với chè búp khô (chè đỉnh) giữ mức 2.000.000 đồng/kg, giá chè mốc câu ở mức 250.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg so với tháng trước, chè nõn ổn định 500.000 đồng/kg.

Theo số liệu thống kê, khối lượng xuất khẩu chè tháng 9 năm 2022 ước đạt 12 nghìn tấn với giá trị đạt 19 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu chè 9 tháng đầu năm 2022 đạt 91 nghìn tấn và 156 triệu USD, giảm 0,8% về khối lượng nhưng tăng 1,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá chè xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 1.714 USD/tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 8 tháng đầu năm 2022, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam với 44,9% thị phần, tăng 31,9% về khối lượng và tăng 27,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

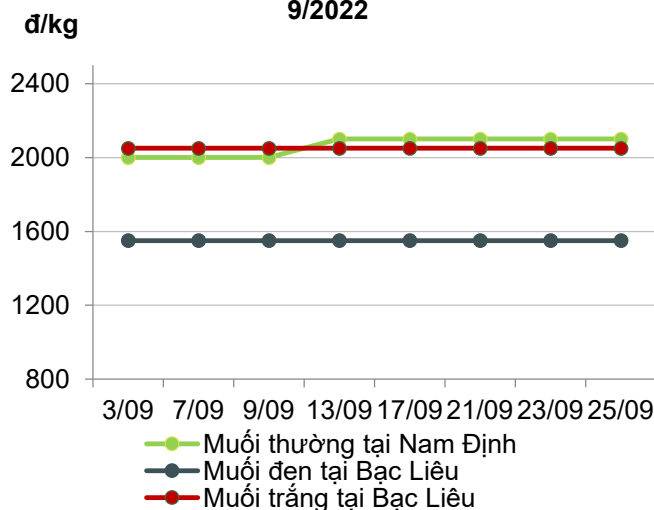


Trong đề án Nâng cao chất lượng và chuỗi giá trị ngành hàng muối Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025 được thực hiện tại 7 tỉnh có nghề làm muối lớn là; Nam Định, Thái Bình, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bến Tre, Bạc Liêu, Bộ NN&PTNT đã giao cho Vụ Kế hoạch, Cục Quản lý xây dựng công trình, Ban CPO Nông nghiệp cùng phối hợp đề ra soát quy mô đầu tư dự án tại tỉnh Nam Định, Khánh Hòa đề xuất Bộ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất muối giai đoạn 2021 - 2025.

Thị trường muối nguyên liệu ngày càng khan hiếm, nhu cầu sử dụng muối ngày càng cao, giá sẽ tiếp tục tăng. Doanh nghiệp làm muối đang sản xuất 3 ca liên tục nhưng không đủ đáp ứng thị trường trong nước. Các doanh nghiệp chế biến sản phẩm có muối thì thiếu phải nhập khẩu để sản xuất. Do vậy, đề án “Nâng cao chất lượng và chuỗi giá trị ngành muối” đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt mang lại một cánh cửa mới cho ngành muối không chỉ để đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu, khẳng định thương hiệu muối Việt Nam không những góp phần ổn định sinh kế cho diêm dân mà còn tránh tình trạng phải bỏ ra số tiền lớn để nhập khẩu muối mỗi năm.

Theo hệ thống giá của Trung tâm Tin học và Thống kê thu thập báo giá tại các địa phương, khu vực có

Giá muối thị trường trong nước tháng 9/2022



muối trên địa bàn cả nước hiện nay đã thu hoạch xong, giá muối tháng 9 tại miền Bắc có biến động tăng nhẹ, còn miền Nam ở mức ổn định. Cụ thể giá muối Nam Định tháng 8/2022 ở mức 2.000/kg, giữa tháng tháng 9/2022 tăng nhẹ lên 2.100đ/kg, tăng 100đ/kg so với tháng 8. Tại Bạc Liêu, giá muối trắng ở mức 2.000-2.100đ/kg. Muối đen tại Bạc Liêu đầu tháng ở mức 1.500đ – 1.600đ/kg, giữ giá ổn định so với tháng 8.



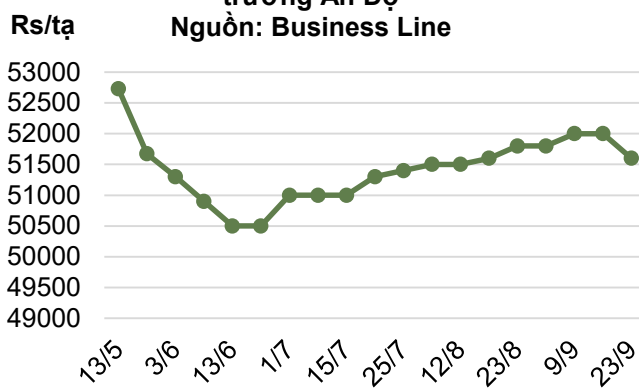


Trong tháng 9/2022, giá tiêu giao ngay của Ấn Độ giảm 200 Rs/tạ xuống mức 51.600 Rs/tạ. Giá tiêu giảm do nhu cầu tiêu thụ bị chậm lại.

Trong tháng 9/2022, giá hạt tiêu đen và trắng xuất khẩu biến động không đồng nhất tại các nước sản xuất trên thế giới, tăng tại Indonesia, ổn định tại Malaysia, nhưng giảm tại Việt Nam và Braxin.

Tại cảng Kuching của Malaysia, ngày 19/9/2022, giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu ổn định ở mức 5.900 USD/tấn và 7.600 USD/tấn so với ngày 30/8/2022.

Giá tiêu giao ngay trên sàn Kochi, thị trường Ấn Độ
Nguồn: Business Line



Tại cảng Lampung ASTA của Indonesia, ngày 16/9/2022, giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 59 USD/tấn so với ngày 30/8/2022, lên mức 4.131 USD/tấn. Tại cảng Muntok, giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 122 USD/tấn so với ngày 30/8/2022, lên mức 6.491 USD/tấn.

Tại Ấn Độ, ngày 16/9/2022, giá hạt tiêu đen xuất khẩu giảm 31 USD/tấn so với ngày 30/8/2022, xuống mức 6.514 USD/tấn.

Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh của Việt Nam, ngày 19/9/2022, giá hạt tiêu đen loại 500g/l và 550g/l xuất khẩu cùng giảm 200 USD/tấn so với ngày 30/8/2022, xuống còn lần lượt 3.350 USD/tấn và 3.600 USD/tấn. Giá hạt tiêu trắng xuất khẩu giảm 100 USD/tấn so với ngày 30/8/2022, xuống còn 5.300 USD/tấn.

Tại Braxin, ngày 19/9/2022, giá hạt tiêu đen xuất khẩu giảm 100 USD/tấn so với ngày 30/8/2022, xuống còn 2.850 USD/tấn. Hiện, Braxin đang bước vào vụ thu hoạch hạt tiêu, sản lượng dự kiến tăng 10% so với năm 2021 lên 98.000 tấn trong năm 2022. Sản lượng hạt tiêu của Ấn Độ dự kiến tăng nhẹ lên 68.000 tấn.

Thị trường trong nước

Trong tháng 9/2022, giá hạt tiêu giảm 1.500 – 3.000 đồng/kg. Tại Bà Rịa Vũng Tàu, giá tiêu ở mức 67.000 đồng/kg. Tại Đắk Lắk, Đắk Nông, giá tiêu 65.000 đồng/kg. Tại Đồng Nai và Gia Lai, giá tiêu dao động từ 64.000 – 65.500 đồng/kg.

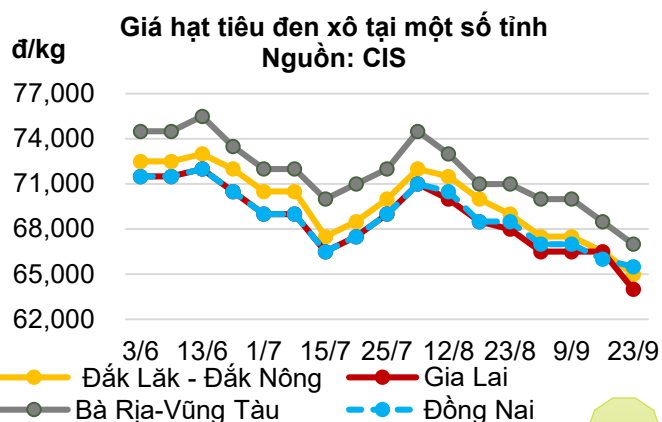
Thị trường Trung Quốc vẫn phải đối mặt với khủng hoảng bất động sản chưa được giải quyết. Sự bùng phát của biến thể Omicron mới đã khiến chính phủ quay lại duy trì chính sách Zero COVID. Chính những yếu tố này đã khiến giá tiêu không thể khởi sắc trong ngắn hạn.

Theo Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam (VPA), nguồn cung hạt tiêu của Việt Nam năm 2022 ước đạt 280 – 290 nghìn tấn. Trong đó có 175 nghìn tấn sản lượng, 40 nghìn tấn nhập khẩu và 80 nghìn tấn tồn kho từ năm 2021 chuyển sang.

Theo số liệu thống kê, khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 9 năm 2022 ước đạt 15 nghìn tấn, với giá trị đạt 60 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 9 tháng đầu năm 2022 đạt 176 nghìn tấn và 774 triệu USD, giảm 17,4% về khối lượng nhưng tăng 7,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 4.403 USD/tấn, tăng 30,4% so với cùng kỳ năm 2021. Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của



Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2022 là Hoa Kỳ, TVQ Arập Thống Nhất và Ấn Độ với 41,7% thị phần. Thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu tăng mạnh nhất là Nhật Bản (tăng 2,29 lần); thị trường giảm mạnh nhất là Pakixtan (-54,2%).





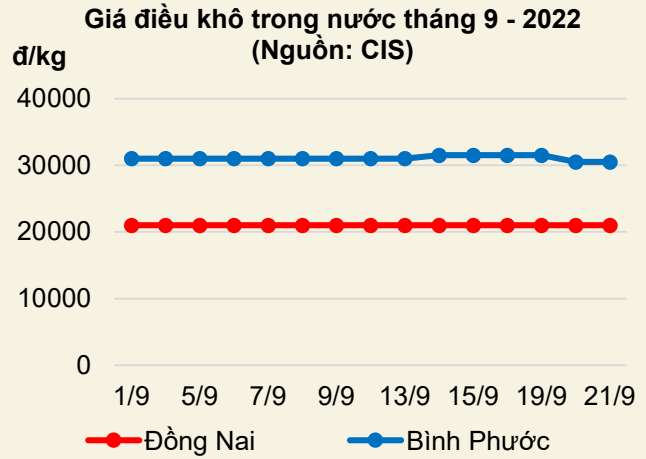
Thị trường trong nước

Tại thị trường trong nước, giá điều nguyên liệu giảm nhẹ ở Bình Phước và tiếp tục bình ổn tại Đồng Nai. Trong tháng 9/2022, hạt điều khô tại Bình Phước giảm 500 đồng/kg xuống còn 30.500 đồng/kg. Còn so với tháng 8/2022, mức giá hiện tại giảm 1.500 đồng/kg. Tại Đồng Nai, hạt điều khô mua xô vẫn vững ở mức 21.000 đồng/kg.

Dịch bệnh Covid-19, giá cước vận chuyển tăng khiến cho nhiều đơn hàng đã ký kết trong năm 2021 nhưng vẫn không giao được, phải tồn đọng sang năm 2022. Thêm vào đó, lạm phát tăng cao tại nhiều nền kinh tế lớn toàn cầu khiến người dân thắt chặt chi tiêu, đặc biệt đối với các sản phẩm có giá thành cao. Dự báo xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong các tháng cuối năm 2022 sẽ vẫn gặp khó khăn.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 9/2022 ước đạt 40 nghìn tấn với giá trị 245 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 9 tháng đầu năm 2022 đạt 382 nghìn tấn và 2,29 tỷ USD, giảm 10,6% về khối lượng và giảm 14% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5.992 USD/tấn, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 27,9%, 13,2% và 9,8% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Trong 8 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường



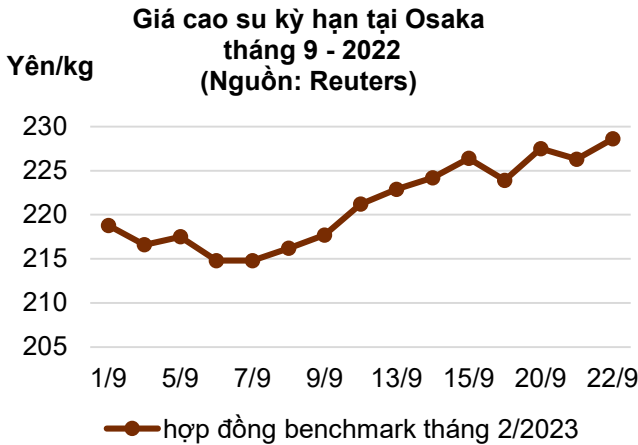
TVQ Arập Thống Nhất (+51,2%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là Canada (-32,6%).

Khối lượng hạt điều nhập khẩu tháng 9/2022 ước đạt 160 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu ước đạt 215,5 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 9 tháng đầu năm 2022 đạt 1,65 triệu tấn và 2,37 tỷ USD, giảm 35% về khối lượng và giảm 36,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Campuchia, Bờ Biển Ngà và Gana là 3 thị trường cung cấp hạt điều chính cho Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2022 với 76,3% thị phần. Giá trị nhập khẩu hạt điều trong 8 tháng đầu năm 2022 từ 3 thị trường này đều giảm so với cùng kỳ năm 2021, mức giảm lần lượt là: 41,8%, 23,1% và 38,5%.





Giá cao su kỳ hạn trên thị trường châu Á diễn biến tăng mạnh trong bối cảnh áp lực ngày càng tăng từ chi phí nguyên liệu thô và năng lượng. Giá cao su kỳ hạn của Nhật Bản tăng theo đà tăng của sàn Thượng Hải. Đồng thời thị trường cao su đang bị tác động bởi giá dầu thô suy yếu, đồng USD tăng và các ngân hàng Trung ương sẽ có nhiều đợt tăng lãi suất để dập tắt lạm phát. Tại sàn Osaka (Nhật Bản), hợp đồng benchmark kỳ hạn giao tháng 2/2023 ngày 22/9 đạt 228,6 yên/kg, tăng 9,8 yên (tương đương 4,5%) so với đầu tháng.



Thị trường trong nước

Tại thị trường trong nước, giá thu mua mủ tự nhiên dạng nước tại Bình Phước cuối tháng 9/2022 ở mức 250 đồng/độ, giảm 50 đồng/độ so với tháng 8/2022. Trái lại, giá mủ cao su dạng nước tại Đồng Nai tiếp tục giữ vững ở mức 10.500 đồng/kg. Giá thu mua mủ cao su nguyên liệu nhà máy tại một số tỉnh, thành phố cũng có xu hướng giảm so với cuối tháng trước, với mức giảm từ 5 – 15 đồng/TSC.

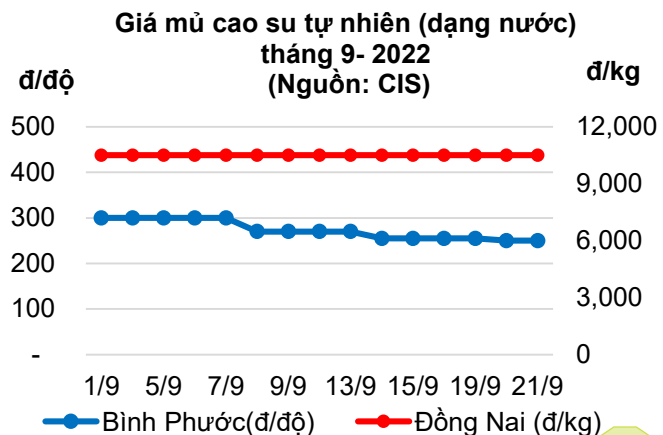
Theo nhận định chuyên gia kinh tế, năm nay do tình hình nền kinh tế nhiều nước trên thế giới biến động khó lường bởi các yếu tố như dịch bệnh, chiến tranh, giá xăng dầu tăng cao nên kéo theo thị trường mủ cao su có diễn biến bất thường.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 9/2022 đạt 210 nghìn tấn với giá trị đạt 305 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su 9 tháng đầu năm 2022 đạt 1,41 triệu tấn và 2,32 tỷ USD, tăng 9,7% về khối lượng và tăng 7,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao su xuất khẩu bình quân 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 1.641 USD/tấn, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 8 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm thị phần lần lượt là 67,6%, 7,8% và 2,7%. Giá trị xuất khẩu cao su tăng mạnh nhất tại thị trường Ấn Độ với mức tăng 51,2% so với cùng kỳ năm 2021. Ngược lại, thị trường có giá trị xuất

khẩu cao su giảm mạnh nhất là Tây Ban Nha (-31,1%).

Ước khối lượng nhập khẩu cao su tháng 9/2022 đạt 210 nghìn tấn với giá trị đạt 289,1 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu cao su 9 tháng đầu năm 2022 đạt gần 1,7 triệu tấn và 2,5 tỷ USD, tăng 19,1% về khối lượng và tăng 23,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Campuchia (chiếm 48,7% thị phần), Hàn Quốc (10,9%) và Trung Quốc (9,3%) là 3 thị trường cung cấp cao su chính cho Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2022. So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu cao su từ 3 thị trường này đều tăng, mức tăng lần lượt là: 31,1%, 17,4% và 43,9%.

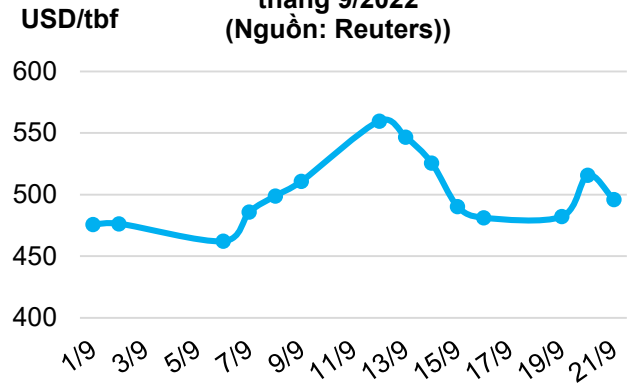


Thị trường thế giới

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (Bộ NN&PTNT), trích giá từ nguồn Reuters, giá gỗ xẻ tại sở giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) tháng 9 có diễn biến giá tăng vào giữa tháng và giảm về cuối tháng. Theo đó hợp đồng kỳ hạn tháng 11/2022 giá ngày 1/9 ở mức là 475,8 USD/tbf, ngày 14/9 tăng 49,9 USD/tbf lên mức 525,7 USD/tbf so với đầu tháng, cuối tháng ngày 21/9 giá giảm sâu còn ở mức 496 USD/tbf.

Theo trang www.imarcgroup.com, quy mô thị trường sản phẩm gỗ thứ cấp ở Bắc Mỹ đạt 212,5 tỷ USD vào năm 2021. Tập đoàn International Mining and Resources (IMARC) kì vọng vào năm 2027 thị trường sẽ đạt 243,5 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng (CAGR) là 2,22% trong giai đoạn 2022-2027. Sản phẩm gỗ thứ cấp còn được gọi là sản phẩm gỗ giá trị gia tăng, dùng để chỉ các sản phẩm được sản xuất bằng cách chế biến các sản phẩm gỗ nguyên sinh như gỗ xẻ, gỗ, bột giấy... Sản phẩm gỗ thứ cấp chủ yếu bao gồm đồ nội thất bếp, tủ và mặt bằng gỗ, sản phẩm gỗ thiết kế, pallet... Các sản phẩm gỗ thứ cấp ở Bắc Mỹ chủ yếu được thúc đẩy bằng sự tăng trưởng của lĩnh vực xây dựng. Tăng trưởng sinh lợi trong phân khúc sản phẩm gỗ chế tạo mang lại triển

Giá gỗ xẻ tại thị trường Chicago, Mỹ tháng 9/2022 (Nguồn: Reuters))



Hợp đồng kỳ hạn tháng 11/2022

496 USD/tbf



vọng tăng trưởng đáng kể cho ngành sản phẩm gỗ thứ cấp. Hơn nữa các sản phẩm gỗ của Bắc Mỹ cũng đang có sức hút ở thị trường châu Á và châu Âu.

Thị trường trong nước

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang gặp nhiều khó khăn, do hậu quả của dịch bệnh Covid-19 kéo dài và cuộc chiến tranh Nga-Ukraina khiến cho lạm phát tăng cao. Thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Con số 16,3 tỷ USD - mục tiêu đề ngành gỗ hướng tới không còn xa. Hiện nay, một số xưởng cưa đang bị cắt giảm các đơn hàng sang các thị trường lớn hoặc chưa có ký kết đơn hàng mới cho năm sau. Tuy nhiên ngành gỗ vẫn có điểm sáng từ thị trường xuất khẩu viên nén. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, sản phẩm viên nén xuất khẩu của Việt Nam đang có xu hướng tăng trưởng rất ấn tượng. Trong 6 tháng đầu năm 2022, Việt Nam xuất khẩu viên nén đạt gần 2,4 triệu tấn với kim ngạch 354 triệu USD trong khi năm 2021 lượng viên nén cả năm đạt 3,5 triệu tấn đạt kim ngạch 413 triệu USD. Với tốc độ tăng trưởng như hiện nay, các chuyên gia kỳ vọng kim ngạch xuất khẩu hết năm 2022 có thể đạt 700 triệu USD.

Theo các chuyên gia nhận định, hiện nay nhu cầu về mặt hàng viên nén trên thế giới đang tăng, đặc biệt tại thị trường EU. Ngành viên nén của Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn trong việc mở rộng sản xuất và xuất khẩu. Do vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động nắm bắt thông tin thị trường, thực hiện các cơ chế chính sách phù hợp với từng thị trường các nước trong tương lai mang tính bền vững.

Theo số liệu thống kê, ước giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 9 năm 2022 đạt 1,25 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ 9 tháng đầu năm 2022 đạt 12,41 tỷ USD, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường nhập khẩu gỗ lớn nhất hiện nay của Việt Nam là Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản, chiếm 79,8% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng mạnh nhất tại thị trường Trung Quốc (+41,1%); giảm mạnh nhất tại thị trường Anh (-10,7%).





Thị trường thế giới

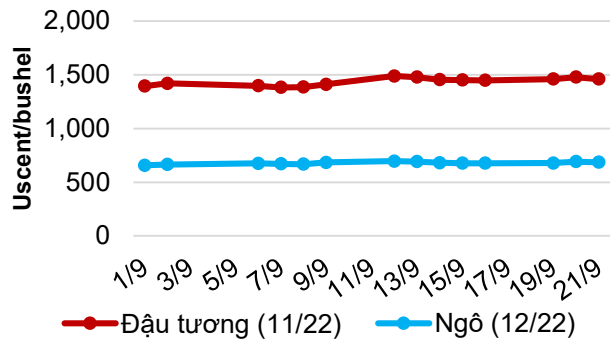
Giá ngô và đậu tương kỳ hạn trên Sàn giao dịch Chicago, Mỹ (CBOT) có xu thế tăng trong tháng qua. Trong đó, thị trường ngô chạm mức cao nhất kể từ ngày 27/6 do nguồn cung bị thắt chặt.

Cụ thể, giá ngô kỳ hạn tháng 12/2022 đóng cửa phiên 20/9 đạt 692 UScent/giạ, tăng 34 UScent (tương đương 5,2%) so với phiên đầu tháng. Giá ngô tăng do nguồn cung của Mỹ thắt chặt, trong khi rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu làm dấy lên lo ngại về triển vọng nhu cầu. Vụ thu hoạch ngô đã hoàn thành 7%, thấp hơn ước tính trung bình trong cuộc thăm dò của các nhà phân tích Reuters là 10% và chỉ sau mức trung bình 5 năm là 8%.

Giá đậu tương hợp đồng kỳ hạn tháng 11/2022 đạt 1478,6 UScent/giạ, tăng 84 UScent (tương đương 6%) so với đầu tháng. Thu hoạch đậu tương đã hoàn thành 3%, thấp hơn ước tính trung bình của các nhà phân tích là 5% và mức trung bình 5 năm, cũng là 5%.

Theo báo cáo Cung cầu Ngũ cốc tháng 9/2022 của Bộ Nông nghiệp Mỹ, nguồn cung ngô và đậu tương sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm do

Giá ngô và đậu tương tại thị trường Chicago, Mỹ (nguồn: Reuters)



thời tiết khô nóng trong tháng 8 ở các khu vực trồng trọt phía Tây làm giảm khả năng thu hoạch.

Các nhà phân tích cho rằng nhu cầu thấp hơn có thể bù đắp cho sự khan hiếm nguồn cung ngũ cốc toàn cầu.

Trong khi đó, các nhà phân tích tại sàn giao dịch kỳ hạn Huatai Futures ở Trung Quốc cho biết, nguồn cung xuất khẩu đậu tương toàn cầu vẫn còn eo hẹp và sẽ cần phụ thuộc nhiều hơn vào thị trường đậu tương của Mỹ.

Thị trường trong nước

Trong tháng 9, giá một số nguyên liệu TACN tại thị trường Bình Phước ghi nhận tăng nhẹ, trong khi tại Hà Nội không thay đổi trong tuần thứ 5 liên tiếp.

Cụ thể, tại Bình Phước, mặt hàng ngô bột tăng 1.000 đồng/kg lên mức 12.000 đồng/kg; mặt hàng cám gạo tăng 2.000 đồng/kg lên mức 10.000 đồng/kg; ngô hạt sảy vẫn giữ ở mức 11.000 đồng/kg.

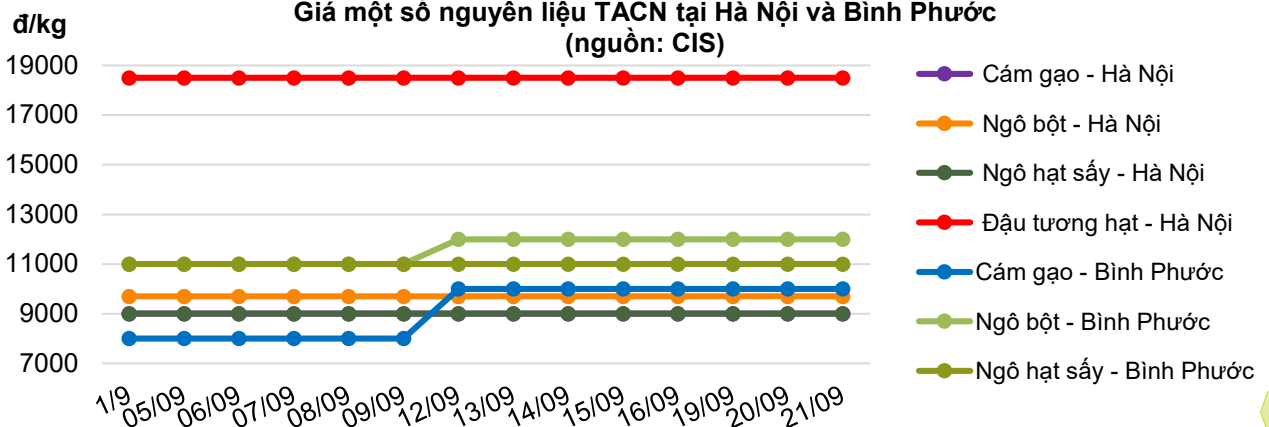
Tại Hà Nội, mặt hàng cám gạo và ngô hạt sảy vẫn giữ ở mức 9.000 đồng/kg; ngô bột 9.700 đồng/kg và đậu tương hạt 18.500 đồng/kg.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, khối lượng đậu tương nhập khẩu tháng 9/2022 ước đạt 50 nghìn tấn với giá trị đạt 38,7 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu đậu tương 9 tháng đầu năm 2022 đạt 1,33 triệu tấn và 913,3 triệu USD, giảm 13,3%

về khối lượng nhưng tăng 5,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Braxin, Hoa Kỳ và Canada là 3 thị trường cung cấp đậu tương chính cho Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2022 với 99,3% thị phần.

Ước tính khối lượng ngô nhập khẩu tháng 9/2022 đạt 1,15 triệu tấn với giá trị đạt 400,3 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu ngô 9 tháng đầu năm 2022 đạt 7 triệu tấn và 2,49 tỷ USD, giảm 8,6% về khối lượng nhưng tăng 15% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Nguồn nhập khẩu ngô của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2022 chủ yếu từ 3 thị trường: Argentina, Ấn Độ và Braxin, chiếm 80,2% thị phần. So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu ngô trong 8 tháng đầu năm 2022 từ Argentina tăng 28,2%, Ấn Độ (-26,9%) và Braxin (-50%).

Giá một số nguyên liệu TACN tại Hà Nội và Bình Phước (nguồn: CIS)





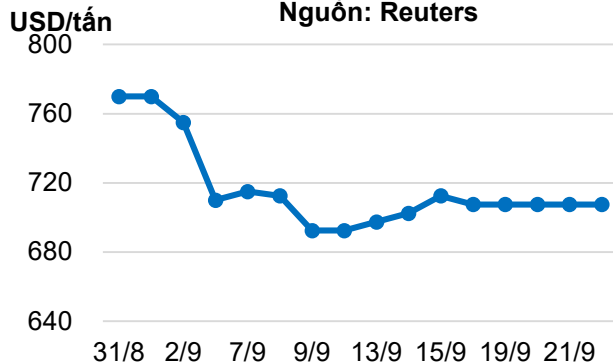
Tại thị trường Trung Quốc, trong tháng 9/2022, giá ure tăng 145 nhân dân tệ/tấn lên 2.545 nhân dân tệ/tấn (359 USD/tấn). Giá DAP giảm 384 nhân dân tệ/tấn xuống còn 3.966 nhân dân tệ/tấn (560 USD/tấn) và thấp hơn cuối tháng 7 khoảng 16%.

Trên sàn Chicago (Mỹ), giá ure là 864 USD/tấn, tăng 39 USD/tấn. Giá ure hạt Trung Đông kỳ hạn tháng 9/2022 giảm 62,5 USD/tấn xuống 707,5 USD/tấn.

Theo Argus Media, sản lượng phân đạm của Liên minh châu Âu đang giảm khoảng 400.000 - 500.000 tấn mỗi tháng. Khởi đầu là việc các nhà máy sản xuất phân bón ở Ba Lan ngừng hoạt động và sau đó đã lan rộng ra toàn khu vực khi các công ty sản xuất phân bón lớn như Achema, Yara và Borealis đồng loạt đóng cửa các nhà máy của họ.

Nếu trước kia châu Âu là nhà sản xuất lớn các loại phân như ure, amoni nitrat, canxi amoni nitrat và ure amoni nitrat (UAN), thì bây giờ tình hình đã thay đổi. Cuộc khủng hoảng phân bón tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng ở châu Âu khi chỉ có chưa đầy 30% công suất sản xuất phân bón UAN dự kiến sẽ hoạt

Giá Ure hạt Trung Đông kỳ hạn tháng 9
Nguồn: Reuters



động vào đầu mùa thu, bất chấp sự bù đắp nguồn cung rẻ hơn của Mỹ đang thay thế một phần khối lượng bị mất. Hiện các nhà máy sản xuất phân ure trên toàn châu Âu đang hoạt động cầm chừng ở mức một phần tư công suất bình thường.



Thị trường trong nước

Tại khu vực Tây Nam Bộ, tháng 9/2022, các mặt hàng phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu vẫn ở mức cao, điển hình như DAP, Kali. Hiện DAP Đình Vũ đang giao dịch ở mức 1,1 - 1,14 triệu đồng/bao 50 kg, tăng 22% so với đầu năm. Tương tự, DAP Hồng Hà giá cũng không xê dịch so với tháng trước, hiện giá dao động 1,4 - 1,42 triệu đồng/bao.

Kali Cà Mau đang giao dịch ở mức 980.000 đến 990.000 đồng/bao. Giá Ure Phú Mỹ đang thấp hơn đầu năm khoảng 17% nhưng cao hơn cùng kỳ năm ngoái là 26% và giao dịch ở 357.000 đồng/1 bao. Kali Belarus bột hồng, đỏ hiện là 915.000 đồng/1 bao 50 kg, tăng 42% so với đầu năm.

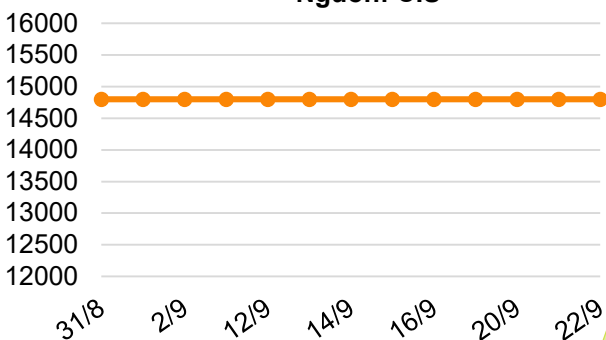
Các loại phân có thành phần amoni điển hình là DAP ở Việt Nam, hiện tại đang phụ thuộc phần lớn vào nguồn nhập khẩu. Giá DAP vẫn đang ở mức giá cao từ dư chấn dịch Covid-19 để lại, tình trạng cắt giảm amoni ở châu Âu càng đẩy lên lo ngại về đợt tăng tiếp trong tương lai.

Nga và Trung Quốc là hai quốc gia đứng đầu về cung cấp phân bón phát cho Việt Nam. Tuy nhiên, kể từ tháng 5 đầu năm đến nay, lượng nhập khẩu loại phân bón này liên tục sụt giảm. Các chuyên hàng từ Nga đang bị cản trở bởi lệnh cấm vận của châu Âu. Trong khi đó, Trung Quốc lại áp hạn ngạch mặt hàng chứa gốc phát từ đầu năm, hạn chế xuất khẩu, gây ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường Việt Nam.

Theo số liệu thống kê, ước tính khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong tháng 9 năm 2022 đạt 240 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 97,4 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu phân bón 9 tháng đầu năm 2022 đạt 2,43 triệu tấn và 1,12 triệu USD, giảm 29,1% về khối lượng nhưng tăng 12,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Nguồn phân bón các loại nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2022 chủ yếu từ Trung Quốc với tỷ trọng chiếm 42,4%, Nga (9,5%) và Canada (7,3%). So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu phân bón từ Trung Quốc tăng 9%, Nga (+14,5%) và Canada (+79,5%).

Giá bán lẻ NPK 20-20-15 tại Vĩnh Long
Nguồn: CIS





THỊT

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ USDA về thị trường Trung Quốc, sản lượng heo năm 2023 của nước này dự kiến đạt 675 triệu con. Nhập khẩu heo giống Trung Quốc vào năm 2023 ước đạt khoảng 5.000 con. Nhập khẩu sẽ bị áp lực bởi giá heo hơi và thịt heo thấp hơn vào năm 2023. Ngoài ra, chi phí vận chuyển cao hơn, các yêu cầu kiểm dịch và kiểm tra nhập khẩu nghiêm ngặt, và các hạn chế COVID-19 đang diễn ra đối với các hãng hàng không vào Trung Quốc dự kiến sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu.



LÚA GẠO

Theo Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO), sản lượng ngũ cốc toàn cầu năm 2022 được FAO dự báo giảm 38,9 triệu tấn, tương đương 1,4% so với năm ngoái. Phần lớn các điều chỉnh giảm liên quan đến ngũ cốc thô, với sản lượng ngô của khối EU dự báo giảm 16% dưới mức trung bình 5 năm do điều kiện thời tiết nóng và khô đặc biệt. Ngược lại, FAO nâng dự báo về sản lượng lúa mì thế giới từ báo cáo cuối cùng vào tháng 7 lên 777 triệu tấn, giảm không đáng kể so với năm 2021, nhờ vào thu hoạch kỷ lục dự kiến ở Liên bang Nga và điều kiện thời tiết thuận lợi ở Bắc Mỹ. Sản lượng gạo toàn cầu dự kiến sẽ giảm 2,1% so với mức cao nhất mọi thời đại đạt được vào năm 2021.



HỒ TIÊU

Theo Tổ chức Hồ tiêu Quốc tế (IPC), nhu cầu tiêu thụ yếu vẫn là yếu tố kìm hãm sự phục hồi của giá hạt tiêu những tháng tiếp theo, đặc biệt là từ hai thị trường tiêu thụ hạt tiêu lớn trên thế giới là châu Âu và Mỹ.

Nedspice (Hà Lan), một công ty chế biến và phân phối gia vị với các chi nhánh trên toàn thế giới - bao gồm cả ở Việt Nam và Ấn Độ, đã chốt sản lượng tiêu toàn cầu ở mức 509.000 tấn vào năm 2022. Song, kết hợp với lượng dự trữ còn lại, lượng tiêu hiện có tính đến những ngày đầu tháng 8/2022 của Nedspice đạt 576.000 tấn, cao hơn so với mức 520.000 tấn của nhu cầu toàn cầu. Tình trạng mất mùa ở Việt Nam do thời tiết không thuận lợi được đánh giá là sẽ cân bằng với vụ mùa ở các nước sản xuất hồ tiêu khác.

Nedspice cũng cho biết thêm rằng, sự chậm lại tiềm ẩn về mặt nhu cầu do có đủ nguồn dự trữ ở các nước tiêu thụ cũng có thể bù đắp cho mùa vụ thấp hơn ở Việt Nam. Do đó, thị trường rất mong manh và giá cả có thể biến động. Theo Nedspice, sản lượng tiêu của Việt Nam ước tính sẽ giảm hơn 6% xuống còn 188.000 tấn. Trong khi đó, sản lượng tại Braxin - nhà sản xuất lớn thứ hai, có thể sẽ tăng 10% lên 98.000 tấn trong năm nay, và nhà sản xuất lớn tiếp theo là Ấn Độ sẽ ghi nhận sản lượng tăng nhẹ lên 68.000 tấn.



PHÂN BÓN

Theo Hiệp hội Phân bón Thế giới, cuối năm 2022, giá phân bón khó tăng mạnh trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ trên thế giới nhìn chung yếu.









CÀ PHÊ

Bộ Nông nghiệp Mỹ USDA dự báo sản lượng cà phê của Việt Nam đạt 30,9 triệu bao, giảm 700.000 bao so với vụ thu hoạch kỷ lục của năm ngoái. Diện tích canh tác được dự báo không thay đổi so với năm trước, với hơn 95% tổng sản lượng vẫn là Robusta.



GIÁ NÔNG SẢN TRUNG BÌNH THÁNG 09/2022

Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T09 năm 2022 (đ/kg)	Giá BQ T08 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T09/2022 so với T08/2022 (đ/kg)
	Hạt tiêu đen	Đồng Nai	68.500	70.833	-2.333 ▼
		Bình Phước	68.313	73.650	-5.338 ▼
	Hạt điều khô	Đồng Nai	21.000	21.000	0
		Bình Phước	31.063	32.200	-1.138 ▼
	Cà phê vối nhân xô	Đắk Lắk	47.962	46.725	1.237 ▲
		Lâm Đồng	47.362	46.225	1.137 ▲
	Chè cành	Lâm Đồng	9.275	9.275	0
	Chè hạt	Lâm Đồng	7.100	7.150	-50 ▼
	Chè búp tươi	Phú Lương-Thái Nguyên	40.000	35.000	5.000 ▲
	Chè móc câu	Phú Lương-Thái Nguyên	250.000	233.333	16.667 ▲
	Chè đĩnh	Phú Lương-Thái Nguyên	2.000.000	2.000.000	0
	Chè nởn	Phú Lương-Thái Nguyên	500.000	500.000	0
	Lúa ứót IR50404	An Giang	5.371	5.267	105 ▲
		Vĩnh Long	5.900	5.778	122 ▲
	Gạo thường	An Giang	11.500	11.500	0
	Gạo IR50404	Vĩnh Long	11.000	11.000	0
	Cá tra	Vĩnh Long	30.938	28.278	2.660 ▲
		An Giang	28.357	26.000	2.357 ▲
	Tôm sú 30 con/kg	Bạc Liêu	280.000	306.667	-26.667 ▼
		Kiên Giang	190.000	190.000	0

GIÁ NÔNG SẢN TRUNG BÌNH THÁNG 09/2022

Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T09 năm 2022 (đ/kg)	Giá BQ T08 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T09/2022 so với T08/2022 (đ/kg)
	Lợn hơi	Đồng Nai	62.667	64.500	-1.833 ▼
	Bò hơi	Đồng Nai	81.833	87.667	-5.833 ▼
	Gà Lông màu	Đồng Nai	39.000	45.667	-6.667 ▼
	Gà công nghiệp Lông trắng	Đồng Nai	36.000	41.667	-5.667 ▼
	Xà lách lolo xanh	Lâm Đồng	7.500	9.250	-1.750 ▼
	Xà lách cuộn	Lâm Đồng	11.250	11.000	250 ▲
	Xà lách Coron	Lâm Đồng	11.000	10.000	1.000 ▲
	Su su	Lâm Đồng	3.275	3.500	-225 ▼
	Cải thảo	Lâm Đồng	4.000	4.000	0
	Bắp cải trắng loại 1	Lâm Đồng	3.200	3.000	200 ▲
	Cà chua (giống Rita)	Lâm Đồng	17.250	15.000	2.250 ▲
	Su hào củ loại 1	Lâm Đồng	8.000	8.000	0
	Hành hoa	Lâm Đồng	12.625	15.000	-2.375 ▼
	Củ dền loại 1	Lâm Đồng	8.000	10.000	-2.000 ▼
	Ớt sừng	Lâm Đồng	18.750	17.000	1.750 ▲
	Ớt chuông Đà Lạt màu đỏ	Lâm Đồng	32.000	30.000	2.000 ▲
	Ớt chuông Đà Lạt màu vàng	Lâm Đồng	32.500	32.000	500 ▲
	Đậu cô ve	Lâm Đồng	11.750	10.000	1.750 ▲



Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T09 năm 2022 (đ/kg)	Giá BQ T08 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T09/2022 so với T08/2022 (đ/kg)
	Xoài cát chu	Tiền Giang	28,231	33,471	-5,240 ▼
		Vĩnh Long	29,500	25,000	4,500 ▲
	Xoài cát Hòa Lộc	Tiền Giang	65,000	64,412	588 ▲
	Thanh long ruột đỏ	Tiền Giang	26,615	14,471	12,145 ▲
	Thanh long ruột trắng	Tiền Giang	17,308	14,765	2,543 ▲
	Sầu riêng Ri6 loại 1	Tiền Giang	70,000	68,824	1,176 ▲

Lưu ý sử dụng thông tin: Đây là bản tin được phát hành hàng tuần nhằm phục vụ nhu cầu thông tin thị trường cho các cơ quan quản lý nhà nước, các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp và bà con nông dân. Những thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo và khuyến nghị. Ban biên tập rất mong nhận được sự góp ý, phản hồi, trao đổi thông tin nhằm giúp Bản tin đạt được chất lượng tốt hơn.

Mọi thông tin xin liên hệ: Phòng Công thông tin điện tử - Trung tâm Tin học và Thống kê - Điện thoại: +84 (0)24 37341635 (máy lẻ 208, 205) - Email: trangtin@mard.gov.vn